

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **247/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 26/9/2019

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
Chị Hoàng Thị H và Anh Hà Xuân T”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thảo.
2. Ông Hứa Ngọc Cương.

Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thị Nghi - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Khánh Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Q mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2019/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/8/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 06/9/2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị H, sinh năm: 1992;

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 23, tổ 17 (nay là tổ 8), phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở: Thôn 7 Minh Tiến, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

** Bị đơn:* Anh Hà Xuân T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số nhà 23, tổ 17 (nay là tổ 8), phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Huệ có mặt tại phiên tòa;

Anh Trung vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến tại phiên tòa Chị Hoàng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Hà Xuân T có quan hệ vợ chồng, kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn đúng quy định ngày 23/9/2013 tại UBND phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng chung sống tại phường T, thành phố Q cùng với gia đình anh

Trung, vợ chồng sống chung nhưng có khẩu riêng. Cả hai vợ chồng đều làm nghề tự do, quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì. Nhưng sau này vợ chồng bất đồng quan điểm sống về làm ăn kinh tế nên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh Trung ham chơi, vợ chồng không có con chung nên mâu thuẫn càng không có lý do để hòa giải và trở nên trầm trọng. Đến tháng 12/2018 do mâu thuẫn quá căng thẳng chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang sống, hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Thời gian đầu anh T cũng có lên nhà chị để xin lỗi đón chị về nhưng do anh T không thay đổi, ham chơi không chịu làm ăn nên chị không về. Nay chị xác định chị không còn tình cảm với anh T, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, chị không thể quay về cùng chung sống với anh T nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Hà Xuân T.

Về con chung: Chị Hoàng Thị H xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Hoàng Thị H xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai Anh Hà Xuân T trình bày: Anh và Chị Hoàng Thị H có quan hệ vợ chồng, khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn đúng quy định. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng chung sống với gia đình anh. Cuộc sống chung của vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng thời gian gần đây do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng có mâu thuẫn, từ ngày 02/12/2018 chị H bỏ đi làm ăn không ở nhà, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị H xin ly hôn anh không nhất trí vì vẫn muốn có thêm cơ hội nữa để thay đổi vợ chồng chung sống với nhau. Đồng thời Anh Hà Xuân T cũng xác nhận vợ chồng không có con chung; không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi Anh Hà Xuân T đến để giải quyết vụ án; anh T chỉ đến Tòa án một lần viết bản tự khai; những lần triệu tập tiếp theo anh T đều vắng mặt, không có lý do; văn bản tố tụng Tòa án gửi theo đường bưu điện anh T đều nhận được nhưng không đến Tòa án để làm việc. Khi làm thủ tục ly hôn chị H không giao nộp được sổ hộ khẩu gia đình do anh T giữ, chị H có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh để xác định nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của hai vợ chồng và nơi cư trú của anh T. Tòa án nhân dân thành phố Q tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị H, anh T và cư trú của anh T, kết quả xác minh thể hiện anh T, chị H là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 17 (nay là tổ 8), phường T; hiện nay anh T vẫn đang cư trú tại số nhà 23, tổ 17 (nay là tổ 8), phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang cùng với mẹ đẻ anh T. Việc anh T không đến Tòa án để làm việc là anh T cố ý trốn tránh nhằm gây khó dễ cho việc chị H xin ly hôn với anh T.

Qua xác minh tại địa phương về mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung giữa Chị Hoàng Thị H và Anh Hà Xuân T thể hiện: Chị Hoàng Thị H và Anh Hà Xuân T có quan hệ vợ chồng hợp pháp, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn đúng quy định. Sau khi kết hôn thì

cùng chung sống với gia đình bố mẹ đẻ anh T tại tổ 17 (nay là tổ 8), phường T, thành phố Q. Nhưng mâu thuẫn của chị H và anh T cụ thể địa phương không nằm được, thời gian gần đây không thấy chị H cùng chung sống với anh T nữa, chị H đi đâu ở thì địa phương không nằm được vì chị H cũng chưa làm thủ tục chuyển khẩu. Anh T và chị H không có đất đai chung tại địa phương, tài sản và vay nợ chung địa phương không nằm được. Việc giải quyết ly hôn của chị H và anh T địa phương không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho Chị Hoàng Thị H được ly hôn với Anh Hà Xuân T. Chị Hoàng Thị H và Anh Hà Xuân T đều xác định vợ chồng không có con chung; không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung nên không đề nghị xem xét giải quyết; Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa của Chị Hoàng Thị H; nội dung bản tự khai của Anh Hà Xuân T và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và Anh Hà Xuân T tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi chung sống đến năm 2018 vợ chồng không hòa thuận do bất đồng quan điểm sống, anh T ham chơi không chịu làm ăn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị H đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 12 năm 2018, anh T và chị H sống ly thân từ đó đến nay. Anh T không nhất trí ly hôn nhưng qua ý kiến của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương có thể xác định cuộc sống vợ chồng của chị H và anh T không có sự gắn kết, hai vợ chồng đã sống ly thân được gần 01 năm, thực tế không có hạnh phúc, không tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Chị Hoàng Thị H xử cho chị H được ly hôn với Anh Hà Xuân T.

[2] Về con chung: Chị Hoàng Thị H và Anh Hà Xuân T đều xác định vợ chồng không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần nuôi con chung.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Hoàng Thị H và Anh Hà Xuân T đều xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai, vay nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của Anh Hà Xuân T: Trong quá trình giải quyết vụ án Anh Hà Xuân T vắng mặt không có lý do, Tòa án nhân dân thành phố Q đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của chị H và anh T, cũng như đã tổng đạt các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Việc anh T vắng mặt là cố ý trốn tránh việc giải quyết ly hôn, gây khó dễ cho quá trình giải quyết vụ án. Các thủ tục tổng đạt và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp một bên cố ý vắng mặt.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Hoàng Thị H được ly hôn với Anh Hà Xuân T.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị H phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Huệ đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000303 ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Hà Xuân T không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Hà Xuân T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố Q;
- THADS thành phố Q;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thảo – Hứa Ngọc Cương

Lương Thanh Huyền

